

Số: 04/2019/QĐST-KDTM

Phúc Thọ, ngày 03 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2018/TLST- KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2018

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q**

Địa chỉ: Số 21, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hữu Đ** - Chủ tịch hội đồng quản trị

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Đào Thị Hồng N** – Chuyên viên

Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá H**, sinh năm 1987

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Cùng trú tại cụm 8, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1955

Cháu **Nguyễn Thị Như Q**, sinh năm 2011

Cháu **Nguyễn Bá C**, sinh năm 2013

Cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2016

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Bá C, Nguyễn Anh T là anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Cùng trú tại cụm 8, xã T, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/4/2019 của anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị H với ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo hợp đồng tín dụng số 53679.16.833.2870818 là 1.016.877.606 đồng (Trong đó: nợ gốc: 780.952.000 đồng; nợ lãi: 235.925.606 đồng). Anh Nguyễn Bá H và chị Nguyễn Thị H sẽ thanh toán khoản nợ trên cho ngân hàng Q theo lộ trình sau:

Ngày 16/05/2019 thanh toán 5.000.000đ – 10.000.000đ nợ gốc.

Ngày 16/06/2019 thanh toán 5.000.000đ – 10.000.000đ nợ gốc.

Ngày 16/07/2019 thanh toán 5.000.000đ – 10.000.000đ nợ gốc.

Ngày 16/08/2019 thanh toán 5.000.000đ – 10.000.000đ nợ gốc.

Ngày 16/09/2019 thanh toán 5.000.000đ – 10.000.000đ nợ gốc.

Ngày 16/10/2019 thanh toán nốt số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 53679.16.833.2870818 đã ký với ngân hàng.

Trong trường hợp anh H, chị H vi phạm bất kỳ kì thanh toán nào theo lộ trình nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại thửa đất số 674b; Tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Cụm 8, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U050940, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01130 QSDĐ/283/QĐ.H do Ủy ban nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/5/2003 để trả nợ cho ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì anh H, chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 53679.16.833.2870818 đã ký với ngân hàng.

3. Về án phí: Anh H, chị H phải chịu 21.253.164 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả lại ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 20.445.000đ (*Hai mươi triệu bốn trăm bốn năm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005481 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Kiều Duy Chính

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

